

UBND XÃ NÀ HỖ
TRƯỜNG PTDTBT TH NÀ HỖ

BẢNG TỔNG HỢP MUA HÀNG TRONG THÁNG (HS BÁN TRÚ)
THANG 10 NĂM 2025

Tổng số tiền ăn trong tháng = (TS HS bán trú 388 x 936.000 đồng/HS) = 363.168.000 đồng

Tổng số tiền ăn trong tháng (TS HS ban đầu 500 x 950.000 đồng/HS) = 500.100.000 đồng																																Tổng số lượng	Đơn giá	Thành tiền			
STT	Tên mặt hàng	Đơn vị tính	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29				30	31	
1	Thịt lợn mông tươi	Kg		42,4	47,8				48,1	45,1	42,4	43,6				48,1	45,1	42,4	43,6				48,1	45,1	42,4	43,6				49,2	46,4	44,1	43,5	811,0	130.000	105.430.000	
2	Thịt lợn xay sẵn	Kg		14,4					14,9		14,9					14,9		14,9					14,9		14,9					15		15		133,8	130.000	17.394.000	
3	Giò lợn nạc	Kg					38							40							37,5							38						153,472	150.000	23.020.800	
4	Thịt gà công nghiệp tươi	Kg	69,2	67																														136,2	90.000	12.258.000	
5	Thịt gà công nghiệp mổ sẵn	Kg						75,2	73,7	75,2	72,8				75,2	73,7	75,2	72,8				75,2	73,7	75,2	72,8				75,2	73,7	75	72		1186,60	80.000	94.928.000	
6	Cá ba sa	Kg	66,4					67,9							67,9							67,9							69,8					339,9	80.000	27.192.000	
7	Trứng vịt	Quả	486		486			485		485		485			485		485,0		485			485		485		485		485		485		485		485	6792,0	4.000	27.168.000
8	Đậu phụ	Kg		33,1							30							30,0														30		123,1	22.000	2.708.200	
9	Cà chua	Kg	19,5					19,4							19,4							19,4				30			19,4					127,1	20.000	2.542.000	
10	Rau cải	Kg	55,6				33,6		46,6		51,7																							187,5	15.000	2.812.500	
11	Bắp cải	Kg		55,6				51,7		51,7				42,8	51,7	46,6	51,7	51,7				51,7	46,6		44				51,7	46,6		44	688,1	15.000	10.321.500		
12	Bí đỏ	Kg	55,6					36,2		41,4						36,2		41,4			38,8		36,2	49,1				32,8		36,2	49,1			453,0	15.000	6.795.000	
13	Bí xanh	Kg		44,5						49,1							49,1																	142,7	15.000	2.140.500	
14	Su su	Kg			38,9			51,7				36,2			51,7				36,2			51,7		51,7	49,1	36,2			51,7		51,7	48	35,9	590,7	15.000	8.860.500	
15	Dầu ăn Neptune	Lít																														75	65.000	4.875.000			
16	Bột ngọt Vedan	Kg																														31	70.000	2.170.000			
17	Hành khô	Kg																														10	40.000	400.000			
18	Gừng	Kg																														20	40.000	800.000			
19	Muối hạt Iot	Kg																														49	5.000	245.000			
20	Gói kho tàu	Gói																														50	7.000	350.000			
21	Nước rửa bát Power 100	Lít																														70	40.000	2.800.000			
Cộng tiền mua thực phẩm																																		355.211.000			
Số tiền học sinh nghỉ ốm có lý do																																		197.000			
Số tiền chi tổ chức tết trung thu																																		7.760.000			
Cộng tổng																																		363.168.000			

NGƯỜI TỔNG HỢP

Vũ A Lành

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Mai Xuân Kiên